

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

----- 88 -----

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Quản lý tài nguyên và môi trường
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Quản lý tài nguyên và môi trường
Mã ngành : 7850101

THANH HÓA, 8/2021

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học
áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học, cao đẳng định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức (theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/8/2017 và Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHĐ ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức);

Căn cứ Văn bản đề nghị của khoa Khoa học Xã hội về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ngành ĐH Quản lý Tài nguyên và MT; Biên bản họp Hội đồng Thẩm định CTĐT ngành ĐH QLTN&MT, Biên bản thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường, trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021 (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng bộ môn quản lý học phần có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa học Xã hội, các bộ môn liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC

Lê Hoàng Bá Huyền

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường. Trình độ: Đại học

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.1. Lịch sử chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Quản lý tài nguyên và môi trường (QLTN&MT) được xây dựng lần đầu năm 2016 với mục tiêu chính là đào tạo cán bộ Quản lý tài nguyên và môi trường trong xu thế phát triển của ngành và xã hội hiện nay. Năm 2017, CTĐT được điều chỉnh trên quy mô toàn diện theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học. CTĐT được xây dựng dựa trên các điều tra khảo sát về kiến thức, kỹ năng sinh viên cần đạt được; góp ý từ cựu sinh viên, các chuyên gia và các nhà tuyển dụng và có sự tham khảo các CTĐT của các trường có uy tín trong và ngoài nước

Chương trình đào tạo cử nhân QLTN&MT được tham khảo từ CTĐT của các trường đại học tiên tiến như: Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ĐH Bách Khoa Hà Nội, ĐH Quốc gia TP HCM.

1.2. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo ĐH QLTN&MT hiện hành có tổng số 124 tín chỉ (TC) được chia thành 2 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương 41 tín chỉ; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 83 tín chỉ (trong đó có Kiến thức cơ sở ngành là 18 tín chỉ; Kiến thức ngành là 48 tín chỉ; Kiến thức bổ trợ là 06 tín chỉ; Thực tập tốt nghiệp là 05 tín chỉ; Khóa luận/học phần thay thế 06 tín chỉ). Toàn bộ chương trình đào tạo được phân bổ trong 8 học kỳ, phân bổ cân đối trong toàn khóa học.

Toàn bộ chương trình đào tạo được phân bổ trong 8 học kỳ (Kỳ 1: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; Kỳ 2: gồm 08 học phần, 17 tín chỉ; Kỳ 3: gồm 07 học phần, 15 tín chỉ; Kỳ 4: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 5: gồm 07 học phần, 17 tín chỉ; Kỳ 6: gồm 05 học phần, 15 tín chỉ; Kỳ 7: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; và Kỳ 8: 03 học phần 13 tín chỉ, trong đó gồm 1 học phần 2 TC, thực tập TN 05 tín chỉ và 02 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 06 tín chỉ

1.3. Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất:

** Đội ngũ giảng viên:*

- Số lượng giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đều có trình độ thạc sĩ trở lên.
- Có 08 tiến sĩ chuyên ngành đúng, 04 thạc sĩ là giảng viên cơ hữu xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đào tạo ĐH QLTN&MT

- Có trên 50% các học phần được đảm nhiệm bởi các tiến sĩ đúng chuyên ngành (thể hiện trong đề cương chi tiết các học phần).

- Tính đến thời điểm năm học 2020 - 2021, tỷ lệ giảng viên có bằng tiến sĩ là 66,6 %.

Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình có năng lực công tác tốt, nhiệt huyết trong công việc, được đào tạo bài bản tại các trường đại học uy tín trong nước như Trường ĐH KHTN, Viện Địa lí, ĐHSP Địa lí và ngoài nước (Vương Quốc Anh, Đài Loan) đáp ứng vượt trội nhu cầu giảng dạy học tập.

** Cơ sở vật chất:*

- Cơ sở vật chất có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học, gồm: Hệ thống máy móc phục vụ đo vẽ bản đồ; Phòng máy tính thực hành các phần mềm ứng dụng chuyên ngành; phòng tư liệu của Khoa, ngoài ra còn có sự hỗ trợ của các dụng cụ phân tích môi trường thuộc khoa CNKTMĐT và Khoa NLNN.

- Cung cấp đủ số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo cho các học phần (theo danh mục liệt kê); trang bị thêm các đầu sách, báo, tạp chí và tài liệu tham khảo khác thuộc lĩnh vực Địa lí, đáp ứng nhu cầu tham khảo, tra cứu thông tin của giảng viên và học viên.

- Đảm bảo hệ thống mạng internet thông suốt 24/24 giờ trong ngày, đáp ứng nhu cầu tra cứu, cập nhật thông tin tại thư viện và tại phòng học của sinh viên.

- Trung tâm Thông tin tư liệu cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Trung tâm không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa.

- Nhà trường đã có thư viện điện tử (phần mềm tra cứu Thư viện Libol) với tài liệu số hóa, ebooks, thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng.

- Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát lại hệ thống tài liệu, giáo trình học tập để xây dựng kế hoạch mua bổ sung các tài liệu, giáo trình, tạp chí chuyên ngành phục vụ yêu cầu ngày càng cao trong đào tạo và NCKH. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí, của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Quản lý tài nguyên và môi trường
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Environment and natural resource management
Mã ngành đào tạo:	7850101
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	124
Hình thức đào tạo:	Chính quy, Liên thông, VL VH
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia và xét

	tuyển theo quy định của Trường DII Hồng Đức
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 124 TC; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Làm cán bộ, công chức các đơn vị thuộc nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường; - Làm thanh tra viên và đo đạc viên, làm công tác đo đạc và thông tin tài nguyên (đất, rừng, khoáng sản, ...); - Tự phát triển văn phòng; trung tâm tư vấn về đất đai; đào tạo công nghệ GIS và viễn thám, Trắc địa - bản đồ; các dịch vụ tư vấn và quan trắc, phân tích môi trường; - Làm cộng tác viên của các tổ chức phi Chính phủ, dự án nước ngoài...; - Cán bộ địa chính xã, phường; - Làm cảnh sát môi trường; - Làm giảng viên, có thể giảng dạy Quản lý tài nguyên và môi trường và các ngành khoa học liên quan ở bậc Đại học. Cao đẳng và Phổ thông trung học (sau khi được bồi dưỡng về kiến thức nghiệp vụ sư phạm).
Học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước.
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT:	Tháng 8 năm 2021.

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân đại học Quản lý tài nguyên và môi trường có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và sức khỏe tốt; kiến thức lý thuyết sâu rộng, kiến thức thực tế vững chắc về quản lý quản lý tài nguyên và môi trường nhằm đáp ứng những yêu cầu công việc của một cán bộ Quản lý tài nguyên và môi trường trong xu thế phát triển của ngành và xã hội hiện nay. Có thể học tập để nâng cao trình độ sau đại học.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Sinh viên được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội.

PO3: Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT).

PO4: Có được hệ thống kiến thức cơ bản về địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam; tâm lý học; ngôn ngữ; môi trường và con người; kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên. Vận dụng được kiến thức liên ngành vào học tập và phục vụ công tác chuyên môn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ, bảo vệ tài nguyên, môi trường và bản sắc văn hóa Việt Nam.

PO5: Người học được cung cấp kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết sâu, rộng về quản lý tài nguyên và môi trường ở các cấp quy mô khác nhau. Vận dụng kiến thức này vào giải quyết công việc chuyên môn phù hợp.

PO6: Người học được cung cấp những kiến thức cơ bản về luật, và các văn bản dưới luật phục vụ quản lý TN&MT. Vận dụng kiến thức này trong quản lý, giám sát chuyên môn, giải quyết các đơn thư khiếu kiện, khiếu nại,...

PO7: Người học được cung cấp kiến thức cơ bản về sử dụng các công cụ kinh tế- kỹ thuật, công nghệ trong quản lý TNTN và bảo vệ môi trường; ứng dụng các phần mềm chuyên ngành trong xây dựng CSDL và thành lập các loại bản đồ quản lý tài nguyên và môi trường.

PO8: Người học có thể chủ động làm việc trong các môi trường làm việc thay đổi. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, hướng dẫn và giám sát và đánh giá hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLO1: Sinh viên phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

PLO2: Sinh viên đạt được năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.

PLO3: Người học trình bày được khái niệm về thông tin; các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) phục vụ công tác chuyên môn.

PLO4: Trình bày được thực trạng phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam; các thành tố văn hóa, không gian và thời gian văn hóa; tâm lý học; ngôn ngữ; môi trường và con người; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế- xã hội; kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên. Vận dụng các kiến thức này vào việc giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

PLO5: Hiểu được kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực quản lý tài nguyên (nước, đất, rừng, khoáng sản,..). Vận dụng kiến thức này vào các lĩnh vực hoạt động chuyên môn.

PLO6: Hiểu được kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực quản lý môi trường (đất, nước, không khí,..); vấn đề ô nhiễm môi trường và chất thải. Vận dụng kiến thức này vào các lĩnh vực hoạt động chuyên môn.

PLO7: Sử dụng tốt các văn bản pháp quy để giám sát công tác quản lý tài nguyên và môi trường, phát hiện các dấu hiệu vi phạm trong quản lý TN&MT để kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

PLO8: Ứng dụng các công cụ kinh tế- kỹ thuật, công nghệ trong quản lý TNTN và bảo vệ môi trường; sử dụng thành thạo các máy móc, thiết bị đo đạc;

PLO9: Xây dựng được CSDL và thành lập các loại bản đồ quản lý tài nguyên và môi trường bằng các phần mềm tin học chuyên ngành

PLO10: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;

PLO11: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương;
- Về tổ hợp xét tuyển: Dùng 4 tổ hợp: Toán- Lý- Hóa (A00); Văn- Sử- Địa (C00); Văn- Toán- Địa (C04); Văn- Địa- GD công dân (C20);
- Gắn với việc đáp ứng 02 yêu cầu tại khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT										
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
PO1	3										
PO2		3									
PO3			3								
PO4				3							
PO5					4	4					
PO6							4				
PO7								4	4		
PO8										4	4

Ghi chú:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Thao tác/Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Liên kết/Thành thạo; 5-Tự nhiên hóa/Bản năng.
- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hồi đáp; 3-Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết theo chuẩn đầu ra học phần. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, giáo trình, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức và công nghệ mới trong dạy học vào giảng dạy.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy người học. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp mô phỏng, thực nghiệm (áp dụng cho các tiết thực hành).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

7.2. Các phương thức đánh giá

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn hoặc các dự án.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ	Bắt buộc	37
		Tự chọn	04
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 72 tín chỉ	Bắt buộc	46
		Tự chọn	16
3	Thực tập tốt nghiệp: 05 tín chỉ	Bắt buộc	05
4	Khóa luận/học phần thay thế: 06 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	06
Tổng số: 124 TC			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP (số tín chỉ)	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A. KHỐI KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG				
I. Kiến thức về lý luận chính trị				
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần: Gồm 3 chương : Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế -xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>[2]. Bộ Giáo dục & ĐT (2015), <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)</i>, Nxb CTQG.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui (2005), <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), NXB CTQG.</p> <p>[2]. Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG.</p>
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần gồm:Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>[2]. Bộ Giáo dục & ĐT (2004), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Văn kiện đảng toàn tập tập 1, 2, 3, 4, 5, 6,</p>

			<p>Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p>	<p>7, 8, 9, 10, 11, 12 (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001), NXB CTQG.</p>
3	196065	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)</p>	<p>-Nội dung học phần gồm:Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015. [2]. <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i>: Dùng trong các trường ĐH, CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo H: CTQG, 2008</p>
4	198030	<p>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)</p>	<p>-Nội dung của học phần: Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương 1: Đảng cộng sản Việt nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 -1975). Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975- đến nay).</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Bộ GD&ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQGST. [2]. Bộ GD&ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQG.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Bộ GD&ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i>, Nxb CTQG. [2]. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX,X,XI,XII,XIII</p>

			<p>-Năng lực đạt được: Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.</p>	(2002,2002,1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001, 2001, 2001, 2001) NXB CTQG.
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần: Gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia sự thật</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i> [2]. Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử</i> (10 tập), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. [3]. Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. [4]. Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>, Nxb Chính trị quốc gia.</p>
6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần gồm: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, Nxb Lao động (Quyển 1).</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1). [2]. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn, (2015), <i>Giáo</i></p>

			<p>-Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư;</p> <p>phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.</p>	<p><i>trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).</p>
II. Khối kiến thức khoa học Xã hội , nhân văn				
7	121005	<p>Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)</p>	<p>-Nội dung học phần: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1] Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Trần Quốc Vượng (2002), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb Giáo dục [2]. Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, Nxb Văn hóa thông tin [3]. Phan Kế Bính (1999), <i>Việt Nam phong tục</i>, Nxb Văn học</p>
8	122005	<p>Các vấn đề XH đương đại (2 tín chỉ)</p>	<p>-Nội dung học phần: Khái niệm và các điều kiện hình thành các vấn đề xã hội. Các đặc trưng cơ bản của các vấn đề xã hội, việc phân loại các vấn đề xã hội, đặc trưng của một số vấn đề xã hội phổ biến trong xã hội hiện nay: vấn đề nghèo đói, vấn đề mại dâm, vấn đề HIV/AIDS, vấn đề ma túy, vấn đề người khuyết tật.... Phân tích, tiếp cận các vấn đề xã hội từ góc độ lí thuyết và đưa ra những giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề xã hội trong cuộc sống.</p> <p>-Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực phân tích nguồn gốc vấn đề, phạm vi, mức độ tác động đến xã hội và đưa ra được chương trình can thiệp đến các vấn đề xã hội đó. Ngoài ra sinh viên biết vận dụng linh hoạt các vai trò của mình trong giải quyết</p>	<p>Tài liệu bắt buộc : [1]. Phạm Di, 2018. <i>Vấn đề xã hội Lý thuyết và vận dụng</i>, NXB Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo : [1]. Bùi Đình Thanh, 2008. <i>Xã hội học và Chính sách xã hội</i>, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội. [2]. Nguyễn Tiệp (Chủ biên), 2011. <i>Giáo trình Chính sách xã hội</i>, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.</p>

			các vấn đề xã hội khác nhau.	
9	123050	Tiếng Việt Thực hành (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần: Nghe, nói, đọc, viết là những kỹ năng quan trọng cần được hình thành, phát triển ở mỗi giai đoạn trong quá trình nhận thức và tư duy của con người. Học phần Tiếng Việt thực hành tập trung trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học như: văn bản, câu, từ, ngữ âm, từ đó thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: phân tích và tạo lập văn bản; đặt câu, dùng từ và chính tả trong văn bản.</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học được phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt khi nói và viết cụ thể: rèn luyện và nâng cao kỹ năng nhận diện, tạo lập và phân tích văn bản; kỹ năng lập luận, kỹ năng đặt câu, dùng từ và chính tả trong văn bản; đồng thời có khả năng xử lý các hiện tượng ngôn ngữ thực tế giúp SV rèn luyện tư duy khoa học, sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn mực khi nói và viết</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (1997), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục. [2]. Phan Thiều (1998), <i>Rèn luyện ngôn ngữ</i>, tập 1, 2, Nxb Giáo dục. [3]. Nguyễn Quang Ninh (1997), <i>150 bài tập rèn kỹ năng dựng đoạn văn</i>, Nxb Giáo dục</p>
10	181145	Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần: Khái quát chung về khoa học tâm lý ; Hoạt động, giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức ; Nhân cách, sự hình thành phát triển nhân cách.</p> <p>-Năng lực đạt được: Trên cơ sở lĩnh hội nội dung học phần sinh viên hình thành được kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý cũng như phương hướng hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân để phù hợp với cuộc sống cũng như yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Quang Uẩn (CB), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (CB) , 2018. <i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐHSP.</p> <p>Tài liệu tham khảo [1]. Nguyễn Xuân Thúc (CB) , 2017. <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐH SP. [2]. Phan Trọng Ngọ (CB), 2005. <i>Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐHSP. [3]. Trần Trọng Thủy, 2002. <i>Bài tập thực hành tâm lý học</i>, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội</p>
11	125125	Phương pháp NCKH	-Nội dung học phần: gồm những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học;	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Phạm Việt Vương (2001), <i>Phương pháp luận</i></p>

		(2 tín chỉ)	<p>logic tiến trình nghiên cứu khoa học; xây dựng luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; đạo đức khoa học; đánh giá một công trình khoa học.</p> <p>-Năng lực đạt được: SV thực hiện được các bước nghiên cứu trong logic tiến trình nghiên cứu khoa học (lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương nghiên cứu, xác định các phương pháp nghiên cứu, dự thảo nội dung nghiên cứu của đề tài, xác định được các giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu, danh mục tài liệu tham khảo) và đánh giá được một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập ở đại học và tự học để phát triển nghề nghiệp, cụ thể như thực hiện các đề tài nghiên cứu, viết tiểu luận, chuyên đề, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp,... thuộc lĩnh vực dạy học Địa lí hoặc khoa học cơ bản.</p>	<p><i>nghiên cứu khoa học</i>, NXB ĐHQG HN.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Vũ Cao Đàm (2012), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB ĐHQG HN.</p> <p>[2]. Phạm Việt Vương (1998), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</i>, NXB GD HN.</p>
12	118011	Môi trường và con người (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần: Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p>-Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Lê Văn Khoa (chủ biên), (2011), <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, NXB GD.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, NXB GD.</p> <p>[2]. <i>Luật an toàn, vệ sinh lao động số 84/2015 QH 13</i>.</p> <p>[3]. Mai Đình Yên (1997), <i>Môi trường và con người</i>, NXB GD HN.</p>

III. Tin học-KHTN- Môi trường			
13	173080	Tin học (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần: Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.</p> <p>-Năng lực đạt được: sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc</p>
14-15	Chọn 2 trong 3 học phần:		
a	114002	Toán cao cấp (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần: Giới thiệu khái quát về lý thuyết tập hợp, hệ thống số thực và số phức, quan hệ và suy luận logic; Các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân của hàm số.</p> <p>-Năng lực đạt được: Học xong học phần, sinh viên biết vận dụng các kiến thức toán học vào giải quyết một số bài toán chuyên ngành.</p>
			<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB TT&TT, 2015.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng (2010), <i>Tin học căn bản</i>, NXB KH&KT. [2]. Hàn Viết Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, NXB ĐHQTKD.</p>
			<p>Tài liệu bắt buộc: [1] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013). <i>Toán học cao cấp. tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục. [2] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013). <i>Bài tập Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chinh (2004). <i>Đại số tuyến tính</i>. NXB Đại học Sư phạm. [2]. Nguyễn Tiến Quang - Lê Đình Nam (2014). <i>Cơ sở Đại số tuyến tính</i>, (Dùng cho sinh viên các trường</p>

				đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam.
b	116015	Hóa học đại cương (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần: Các khái niệm và định luật Hoá học; Cấu tạo nguyên tử theo quan điểm cơ học lượng tử; Đại cương về cấu tạo phân tử và liên kết hoá học; Các nguyên lý nhiệt động hoá học; Dung dịch và các thuộc tính vật lý; Phản ứng ôxi hoá - khử và dòng điện.</p> <p>-Năng lực đạt được: Học xong học phần người học có thể viết được công thức cấu tạo, phân tích các liên kết hoá học trong phân tử và dựa vào các nguyên lý để giải thích các phản ứng hoá học xảy ra. Người học có thể hiểu bản chất cơ bản của các phản ứng có trong lĩnh vực địa lí – tài nguyên môi trường.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Lê Mậu Quyền - Hoá học Đại cương - NXB Giáo dục 2005. [2]. Lê Mậu Quyền - Bài tập Hoá học Đại cương. - NXB Giáo dục 2005.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Trần Thành Huế - Hoá học Đại cương 1 - NXB ĐH Sư phạm 2008. [2]. Trần Hiệp Hải - Hoá học Đại cương 2 - NXB ĐH Sư phạm 2004.</p>
c	118045	Sinh thái học	<p>-Nội dung học phần: Hiểu được những nội dung cơ bản của sinh thái học: Các nhân tố sinh thái và sự thích nghi của sinh vật, các quy luật sinh thái, quần thể, quần xã, hệ sinh thái, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường... Từ đó hiểu được những điều kiện tồn tại của sinh vật, mối quan hệ có tính quy luật giữa sinh vật với môi trường sống, giữa sinh vật với sinh vật, là cơ sở của các biện pháp kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, là cơ sở của ngành ô nhiễm học và bảo vệ môi trường.</p> <p>-Năng lực đạt được: Có kỹ năng làm việc theo nhóm: Biết tổ chức, điều hành và tham gia trực tiếp vào các hoạt động nhóm.; Có kỹ năng giải quyết các vấn đề sinh thái, môi trường phát sinh và đưa ra các quyết định, các phương pháp hành động phù hợp với tự nhiên; Nhận thức đúng vai trò và ý nghĩa của học phần trong chương trình đào tạo và công việc sau khi ra trường;</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Trần Kiên (chủ biên). <i>Sinh thái học và môi trường</i>. NXB Giáo dục 2002.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Dương Hữu Thời. <i>Cơ sở sinh thái học</i>. NXB ĐH Quốc gia Hà nội. 2001 [2]. Vũ Trung Tạng (2009), <i>Cơ sở sinh thái học</i>, Nxb GD HN [3]. Đỗ Văn Nhượng. <i>Sinh thái học</i>. NXB Giáo dục 2013.</p>
IV. Kiến thức ngoại ngữ				
16	133031	Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson., 2012., <i>English File-Elementary 3rd</i>.</p>

			<p>Elementary (3rd edition) và giáo trình <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiền A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh</p>	<p>Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)</p> <p>[2]. Nguyễn Thị Quyết., 2018., <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1)</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2).</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Raymond Murphy (2013). <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành</i>. NXB Thời đại</p> <p>[2]. Cambridge ESOL (2011). <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>. Cambridge University Press</p>
17	133032	Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình <i>Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B)</i> và <i>English File Pre-Intermediate (3rd edition)</i>. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ,</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Christina Latham –Kooeıng, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), <i>English File. Pre-intermediate, 3rd edition</i>. Nxb Văn Hóa Thông Tin.</p> <p>[2]. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018). <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B</i>, Nhà xuất bản</p>

			<p>trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình <i>Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. English File-Elementary 3rd Edition</i>. Oxford University Press.</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	<p>Thanh Hoá</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar In Use</i>. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại.</p> <p>[2]. Cambridge ESOL (2013), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.</p> <p>[3]. Cambridge ESOL (2014), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.</p>
18	133033	Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phân gồm: Học phân gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình <i>English File Pre-Intermediate (3rd edition)</i> và <i>Target PET</i>. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói,</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. <i>English File-Preintermediate 3rd edition</i>. Oxford University Press. (1)</p> <p>[2]. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET</i>. Richmond Publishing. (2)</p>

		<p>viết ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: <i>Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3rd Edition. Oxford University Press</i> và <i>Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.</i></p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Raymond Murphy (1997), <i>Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use</i>, Nhà Xuất Bản Hà Nội (3)</p> <p>[2]. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press (4)</p> <p>[3]. Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press (5)</p>
V. Giáo dục thể chất			
191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, thể dục Aerobic, bóng đá, bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào...</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]- Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ, <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học</i>, NXB TĐTT, 2000.</p> <p>[2]- Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT, 2009.</p> <p>[3]- Nguyễn Đại Dương, <i>Giáo trình Điền Kinh</i>, NXB TĐTT, 2006.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]- Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP, 2007.</p> <p>[2]- Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TĐTT, 2014.</p> <p>[3]- PGS.TS. Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, NXB TĐTT, 2007.</p>
191006	Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)		

191031	Bóng chuyên (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyên (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyên bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt).</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyên bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyên ở các giải phong trào.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyên</i>, NXB ĐHSP, 2007.</p> <p>[2]. Đinh Văn Lãm, Phạm Thế Vương, Đàm Chính Thông, <i>Giáo trình Bóng chuyên</i>, NXB TĐTT, 2006.</p> <p>[3]. Ủy ban TĐTT, <i>Luật bóng chuyên</i>, NXB TĐTT, 2003.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Quang, <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyên</i>, NXB TĐTT, 2001.</p> <p>[2]. Ủy ban TĐTT. <i>Bóng chuyên bóng rổ</i>, NXBTĐTT, 1998.</p>
191032	Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TĐTT, 2014.</p> <p>[2]. Liên đoàn Thể dục quốc tế, <i>Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016</i>, 2013.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT, 2009.</p>
191033	Bóng đá (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá (đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má.); tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. PGS.TS.Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, NXB TĐTT, 2007.</p> <p>[2]. Ủy ban TĐTT, <i>Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người</i>.</p> <p>[3]. TS. Phạm Quang, <i>Giáo trình Bóng đá</i>, NXB ĐHSP, 2004.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiết Tinh và cộng</p>

				<p>sự, <i>Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C</i>, NXB TDTT, 2000.</p> <p>[2]. Đĩa (VCD) MILO, <i>Một số bài tập Bóng đá</i> (Thư viện ĐH Hồng Đức), 2004.</p>
191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phân: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo, <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB TDTT, 2002.</p> <p>[2]. Nguyễn Tùng, <i>Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TDTT</i>, 2003.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Ủy ban thể dục thể thao, <i>Luật bóng rổ</i>, 2015.</p>	
191035	Vovinam- Việt võ đạo (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phân: Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 1</i>, NXB TDTT, 2008.</p> <p>[2]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 2</i>, NXB TDTT, 2011.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Chánh Tứ, <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam -- Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>, 2014.</p> <p>[2]. Võ sư Trương Quang An, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo (song ngữ)</i>, NXB KIEV, 1998.</p>	
VI. Giáo dục quốc phòng				
	Giáo dục	Đường lối quân sự của Đảng	Tài liệu bắt buộc:	

	quốc phòng (165 tiết)	<p>- Nội dung học phần: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Phân tích được nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>[1]. <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016. <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i>. Văn phòng Trung ương Đảng.</p> <p>[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019. <i>Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam</p> <p>[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục Việt Nam</p>
		<p>Công tác quốc phòng an ninh</p> <p>- Nội dung học phần: Phòng chống "diễn biến hòa bình"; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.</p> <p>- Năng lực đạt được: Nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2010. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1</i>, Nxb. Giáo dục.</p> <p>[2]. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2012. <i>Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017 và 2020. <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh</i>, 2017, 2020.</p> <p>[2]. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục.</p>
		<p>Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)</p> <p>- Nội dung học phần: Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ;</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. BGD&ĐT, 2012. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2</i>. NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p>

			<p>phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tiên công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.</p> <p>- Năng lực đạt được: Thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức chiến thuật bộ binh; biết phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.</p>	<p>[1]. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1</i> (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).</p> <p>[2]. Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân.</p> <p>[3]. Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân.</p>
B	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
I	Kiến thức cơ sở			
19	124226	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần: Học phần tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội (khái niệm, các loại hình cụ thể, cách thức tổ chức...); phân biệt được tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào với tôn giáo bản địa; cơ sở hình thành, lịch sử, vai trò, giá trị của lễ hội.</p> <p>-Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể: Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá phi vật thể, trong đó cụ thể như: tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội; Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, phân loại, tổng hợp, so sánh để phân biệt được các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội; Sử dụng các tư liệu của học phần để học các học phần khác; Vận dụng các phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học; Có ý thức tôn trọng, giữ gìn các di sản văn hoá của dân tộc và nhân loại, trân trọng những thành quả lao động của quá khứ, tự hào về những thành tựu văn hoá mà người xưa đã tạo dựng nên. Trên cơ sở đó góp phần củng cố bền chặt mối quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Trần Ngọc Thêm (2006), <i>Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam</i>, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Hoàng Lương (2011), <i>Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam – các tỉnh phía Bắc</i>, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.</p>

20	123240	Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phân: Xã hội học đại cương gồm: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.</p> <p>-Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện, phân tích được các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (2008), <i>Xã hội học</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Lê Ngọc Hùng (2001), <i>Lý thuyết và lịch sử xã hội học</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. [2]. Nguyễn Sinh Huy (2008), <i>Xã hội học đại cương</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
21	125085	Kinh tế và phát triển (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phân: Môn học cung cấp kiến thức về: sự ra đời và đặc điểm của nhóm các nước đang phát triển; sự cần thiết phải lựa chọn con đường phát triển kinh tế phù hợp với các quốc gia này. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia. Hệ thống kiến thức về các yếu tố đầu vào trong phát triển kinh tế của một quốc gia; Nội dung của các lý thuyết và mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu trên thế giới, tìm hiểu về mô hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các vấn đề nảy sinh trong quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế như: công bằng xã hội, nghèo đói, bất bình đẳng, Vai trò, đặc điểm và định hướng hướng phát triển của các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ,... trong nền kinh tế các nước đang phát triển. Những chiến lược, chính sách đổi mới nền KTXH và thành tựu phát triển KTXH của Việt Nam.</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học nhận thức được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế; nguyên tắc, bài học trong quá trình đi lên trở thành một quốc gia phát triển. Người học đạt được năng lực đánh giá; phân tích các nguồn lực và các mô hình, lý</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), <i>Giáo trình kinh tế phát triển</i>, NXB Lao động xã hội, Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2005). <i>Địa lí kinh tế - xã hội đại cương</i>. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. [2]. Ngô Thắng Lợi (chủ biên), <i>Giáo trình kinh tế phát triển</i> (2010). NXB ĐH Kinh tế quốc dân [3]. Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (đồng chủ biên) (2008), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển (dùng cho sinh viên ngoài chuyên ngành)</i>, NXB đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p>

			<p>thuyết của tăng trưởng và phát triển kinh tế, hiểu rõ vai trò vị trí của các ngành kinh tế trong mục tiêu tăng trưởng, phát triển của các quốc gia; biết nhìn nhận đúng đắn các vấn đề KTXH phát sinh trong quá trình phát triển của đất nước cũng như từng địa phương, từ đó có thể xác định những giải pháp mang tính hệ thống, hài hòa, phù hợp để thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam.</p>	
22	182020	Khoa học quản lý (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phân: Học phần bao gồm 12 chương. Đó là hệ thống những lý luận cơ bản về quản lý và khoa học quản lý. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung làm rõ nhập môn khoa học quản lý, vai trò, chức năng quản lý, việc vận dụng quy luật trong quản lý; Lịch sử các tư tưởng quản lý; Các khái niệm, phạm trù, phương pháp, nguyên tắc khoa học quản lý. Kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý, Tổ chức khoa học lao động và cán bộ quản lý.</p> <p>- Năng lực đạt được: Giúp sinh viên sau khi học xong học phần nắm được những yêu cầu và nội dung cơ bản của việc quản lý từ đó có khả năng vận dụng những quy luật và nguyên tắc, phương pháp quản lý vào thực tiễn, vào hoạt động quản lý, lãnh đạo, quản trị nhân sự ở các ngành, các cấp, các tổ chức cơ sở, biết xử lý đúng đắn, phù hợp với các tình huống quản lý do thực tiễn đặt ra.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Hồ Văn Vĩnh (chủ biên). <i>Giáo trình khoa học quản lý</i>. NXB Lý luận chính trị, 2006. [2]. Nguyễn Đức Lợi. <i>Giáo trình Khoa học quản lý</i>. NXB Tài chính, 2008. [3]. TS. Phạm Trọng Mạnh. <i>Khoa học quản lý</i>. NXB Xây dựng, 1999.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Harold Koontz. <i>Những vấn đề cốt yếu của quản lý</i>. NXB Khoa học và kỹ thuật, 2004 [2]. Đoàn Thị Thu Hà. <i>Giáo trình khoa học quản lý, tập 2</i>. NXB Khoa học và kỹ thuật, 2008</p>
23	125255	Địa lí tự nhiên đại cương (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phân:Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về: Trái Đất, lớp vỏ địa lí, thạch quyển, khí quyển, thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển, các quy luật địa lí chung.</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học nhận diện được kiến thức đại cương về Trái Đất và các thành phần của nó như thạch quyển, thủy quyển, khí quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển. Trình bày và phân tích các quy luật địa lí chung của Trái Đất như quy</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1].Nguyễn Trọng Hiếu (chủ biên). <i>Địa lí tự nhiên đại cương 1(Trái Đất- Thạch quyển)</i>, NXB ĐHSP, 2004. [2]. Hoàng Ngọc Oanh (chủ biên). <i>Địa lý tự nhiên đại cương 2 (Khí quyển-Thủy quyển)</i> NXB ĐHSP, 2004. [3]. Nguyễn Kim Chương (Chủ biên). <i>Địa lý tự</i></p>

			<p>luật nhịp điệu, quy luật địa đới, quy luật phi địa đới,...Ngoài ra, người học hiểu và vận dụng những vấn đề chung như đa dạng sinh học, sử dụng và bảo vệ đất, sự phân bố sinh vật, đất trên Trái Đất,...</p>	<p><i>nhiên đại cương 3</i> (Thổ nhượng-Sinh quyển), NXB ĐHSP, 2004</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Đào Đình Bắc. <i>Địa mạo đại cương</i>, NXB ĐHQG HN, 2000</p> <p>[2]. Đỗ Hưng Thành. <i>Địa hình bề mặt Trái Đất</i>, NXB GD, 1998(3) Lê Bá Thảo. <i>Cơ sở địa lý tự nhiên, tập 3</i>, NXBGD HN, 1987</p> <p>[3]. Lê Bá Thảo. <i>Cơ sở địa lý tự nhiên, tập 3</i>, NXBGD HN, 1987.</p>
24	125258	Địa lý Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần:</p> <p>Giới thiệu bức tranh chung về địa lý tự nhiên Việt Nam, phân tích và ghi nhớ được nội dung kiến thức cơ bản về:</p> <p>Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam và của từng vùng lãnh thổ, đặc điểm của các hợp phần địa lý tự nhiên: cấu trúc địa chất-địa hình và khoáng sản, địa lý tự nhiên biển Đông, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật, sự phân hoá của thiên nhiên Việt Nam, bảo vệ tài nguyên môi trường và phát triển bền vững.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Sinh viên có được những hiểu biết cơ bản, chi tiết về đặc điểm địa lý tự nhiên cơ bản nhất của Việt Nam; Người học nhận thức được giá trị, tầm quan trọng của các thành phần tự nhiên của Việt Nam; đánh giá được tác động tự nhiên tới các hoạt động KT-XH và BVMT; có khả năng vận dụng và giải thích những hiện tượng tự nhiên ở các miền, khu vực cụ thể.</p> <p>SV có kỹ năng vẽ bản đồ, xây dựng các biểu đồ; Phân tích số liệu, bản đồ lát cắt địa hình, lát cắt địa lý tự nhiên tổng hợp, biểu đồ... về địa lý tự nhiên Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1] Vũ Tự Lập (1999) Địa lý tự nhiên Việt Nam, ĐHQG HN.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Đặng Duy Lợi (Chủ biên), (2007), Địa lý tự nhiên Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, 2008</p> <p>[2]. Lê Bá Thảo (2006), Thiên nhiên Việt Nam, NXBGD</p> <p>[3]. Lê Bá Thảo (1998), Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý, NXB Thế giới.</p>
25	125041	Địa chất môi trường	<p>- Nội dung học phần: Khái niệm về địa chất môi trường và các phương pháp nghiên cứu; đặc điểm của môi trường địa chất;</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Đình Hòa (2001), <i>Địa chất môi trường</i>,</p>

		(2 tín chỉ)	<p>động lực phát triển của môi trường địa chất gồm động lực tự nhiên và động lực nhân sinh; nghiên cứu tai biến môi trường, địa chất y học; nghiên cứu đánh giá môi trường địa chất.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được khái niệm địa chất môi trường, tai biến địa chất,... nhận biết được các đá cấu tạo Trái đất, các động lực phát triển của môi trường địa chất (động lực nội sinh, ngoại sinh và nhân sinh) và các tai biến địa chất do các động lực đó gây ra, đồng thời bước đầu đánh giá được môi trường địa chất của một địa phương nào đó để có thể đề xuất các biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, ngăn ngừa nguy cơ các tai biến xảy ra đối với con người.</p>	<p>Nxb ĐH QGHN.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Mai Trọng Nhuận, (2006), <i>Địa chất môi trường</i>, NXB ĐHQGHN.</p> <p>[2]. Hoàng Xuân Cơ, Phạm Ngọc Hồ, (2009), <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, Nxb ĐH QGHN.</p>	
26	125257	Xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê địa lý-môi trường (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Người học có được những kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học về: cách phân loại các biểu đồ Địa lí, môi trường; cách xây dựng các loại biểu đồ phù hợp với các yêu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khác nhau; cách phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí và môi trường; và tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có năng lực vẽ biểu đồ theo yêu cầu; có năng lực phân tích bảng số liệu thống kê, biểu đồ; xây dựng kế hoạch, tự đánh giá, tự nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Việt Thịnh (chủ biên). (2010), <i>Windows MS Office Internet dùng trong giảng dạy và nghiên cứu Địa lí</i>, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 240 trang.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Nguyễn Trọng Phúc (1997), <i>Phương pháp sử dụng số liệu thống kê trong dạy học Địa lí KT-XH</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>[2]. Đỗ Anh Tài, <i>Giáo trình phân tích số liệu thống kê</i>, NXB Thống kê, Hà Nội, 2008.</p> <p>[3]. Lê Huỳnh (2001), <i>Bản đồ học</i>, NXB GD HN.</p>	
27	Chọn 1 trong 2 học phần:				
a	125402	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần:Địa lý kinh tế- xã hội đại cương đề cập tới đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu học phần địa lí kinh tế- xã hội đại cương; môi trường- tài nguyên thiên nhiên và nền sản xuất xã hội; địa lí dân cư và quần cư; các nguồn lực phát</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), Nguyễn Việt Thịnh, Lê Thông (2006), <i>Địa lý Kinh tế- xã hội đại cương</i>; NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.</p>	

			<p>triển kinh tế, cơ cấu kinh tế, hệ thống không gian kinh tế, các ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ).</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện được những yếu tố cơ bản trong các khái niệm về Địa lí kinh tế- xã hội đại cương; các vấn đề về sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên trên thế giới để đảm bảo sự phát triển bền vững; Phân tích và đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế- xã hội; Nắm được hệ thống tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế- xã hội của thế giới, các khu vực và từng quốc gia; biết vận dụng để đánh giá được mức độ phát triển kinh tế- xã hội của từng địa phương trong những nghiên cứu Địa lí- môi trường sau này.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Lê Văn Trường (2005), <i>Địa lý kinh tế - xã hội đại cương</i>, NXB Chính trị quốc gia</p> <p>[2]. Bùi Văn Loan (1983): <i>Cơ sở Địa lý kinh tế</i>; NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[3]. Nguyễn Minh Tuệ - Lê Thông (đồng chủ biên), <i>Địa lí dịch vụ (tập 1, tập 2)</i> (2012): NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.</p>	
b	125190	Địa lý nhân văn (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phân: Học phân địa lí nhân văn đề cập tới những kiến thức cơ bản về về khái niệm, đối tượng, phương pháp, lịch sử nghiên cứu địa lí nhân văn trên thế giới; vấn đề dân tộc- dân cư và định cư; điều kiện địa lí và sinh thái lãnh thổ với phân bố dân tộc và chủng tộc; dân cư và không gian phân bố; địa lí văn hóa và địa lí ngôn ngữ; các tôn giáo lớn và những vấn đề tôn giáo trong thời đại hiện nay; địa lí kinh tế- chính trị và những xu hướng thay đổi toàn cầu hóa; đô thị hóa, đô thị nông thôn và địa lí học; chiến lược phát triển bền vững.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện được những yếu tố cơ bản trong các khái niệm và phân tích các vấn đề về Địa lí nhân văn; có năng lực phân tích bảng số liệu thống kê và biểu đồ, bản đồ về các vấn đề Địa lí nhân văn. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Lê Thông (chủ biên), (1996), <i>Địa lý nhân văn</i>; NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Lê Văn Trường (2005), <i>Địa lý kinh tế - xã hội đại cương</i>, NXB Chính trị quốc gia</p> <p>[2]. Bộ Khoa học và công nghệ Việt Nam, <i>Tạp chí Nghiên cứu Địa lí nhân văn</i>; NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.</p>	
II. Kiến thức ngành					
28	125350	Quản lý tài nguyên khoáng sản (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phân: các vấn đề chung về tài nguyên khoáng sản; quá trình hình thành, thực trạng và ảnh hưởng của việc khai thác và sử dụng khoáng sản tới môi trường; các vấn đề chung về quản lý tài nguyên khoáng sản; Luật khoáng sản, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản và các</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Lại Hồng Thanh (2009), <i>Quản lý nhà nước về khoáng sản</i>, Cục địa chất và khoáng sản Việt Nam.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Luật khoáng sản, số 60/2010/QH12</p>	

			<p>vấn đề về quản lý tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên biết được sự phân bố, thực trạng và hoạt động khai thác khoáng sản, thấy được những tác động của hoạt động khai thác khoáng sản tới môi trường; vận dụng các văn bản luật về khoáng sản để giải quyết các tình huống liên quan đến hoạt động khoáng sản.</p>	[2]. Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản, số 158/2016/NĐ-CP
29	125351	Quản lý tài nguyên nước (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý tổng hợp tài nguyên nước; tài nguyên nước mưa; tài nguyên nước mặt; tài nguyên nước dưới đất; chất lượng nước sông; mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên nước; các giải pháp quản lý tài nguyên nước.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý tổng hợp tài nguyên nước; tài nguyên nước mưa; tài nguyên nước mặt; tài nguyên nước dưới đất; chất lượng nước sông; mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên nước; các giải pháp quản lý tài nguyên nước. Sinh viên được tổ chức, lập kế hoạch quản lý tài nguyên nước và đề ra được các giải pháp quản lý tài nguyên nước ở một mô hình thí điểm,.... phục vụ cho việc quản lý tài nguyên và môi trường.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Hoàng Ngọc Quang, <i>Giáo trình quản lý tài nguyên nước</i>, Hà Nội 2010</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21/6/2012.</p> <p>[2]. Lê Thạc Cán, Ngô Đình Tuấn (1998), <i>Quản lý tổng hợp tài nguyên nước</i>, Bài giảng chuyên đề tiến sỹ, ĐH Thủy Lợi, Hà Nội</p> <p>[3]. Nguyễn Thái Hưng, (1996), <i>Quản lý tài nguyên nước hợp lý về mặt môi trường</i>, ĐH Thủy Lợi Hà Nội.</p>
30	125092	Quản lý nhà nước về đất đai (4 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những kiến thức cơ bản về công tác quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai; Quá trình phát triển của công tác quản lý Nhà nước về đất đai ở nước ta qua các giai đoạn. Nội dung quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu và trình bày được các khái niệm về quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai; Các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Xử lý được các tình huống xảy ra trong thực tế liên quan đến đất đai; Đánh giá được công tác quản lý Nhà nước về đất đai ở địa phương.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Khắc Thái Sơn. <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về đất đai</i>. Trường Đại học Nông lâm Thái nguyên. Nhà xuất bản Nông nghiệp. 2014</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. <i>Giáo trình Luật đất đai</i>. Nhà xuất bản Đại học Luật Hà Nội, 2014</p> <p>[2]. <i>Luật đất đai</i>. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2014;</p> <p>[3]. <i>Nghị định 43 ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai 2013</i>.</p>
31	125352	Quản lý tài nguyên rừng	- Nội dung học phần: Khái niệm về rừng, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên rừng và bảo vệ đa dạng sinh học, vai trò của	Tài liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2004), <i>Hệ sinh thái rừng</i>

		và bảo vệ đa dạng sinh học (3 tín chỉ)	<p>rừng và đa dạng sinh học đối với môi trường và con người; sinh trưởng, phát triển và tái sinh rừng; tài nguyên rừng và suy thoái; các hệ sinh thái rừng chủ yếu ở Việt Nam; chính sách quản lý rừng và bảo vệ đa dạng sinh học bền vững.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được khái niệm về rừng, đa dạng sinh học, vai trò của chúng đối với con người và môi trường; sinh trưởng, phát triển và tái sinh rừng; nguyên nhân gây nên suy thoái rừng và mất đa dạng sinh học. Thực hiện được quy trình quản lý rừng và đa dạng sinh học.</p>	<p><i>nhiệt đới</i>, Nxb ĐH QGHN</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Võ Hành (2009), <i>Đa dạng sinh học</i>, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.</p> <p>[2]. Thái Văn Trùng (1978), <i>Thảm thực vật rừng Việt Nam</i>, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.</p> <p>[3]. Luật đa dạng sinh học (Luật số 20/2008/QH12, ngày 13/11/2008).</p> <p>[4]. Luật bảo vệ và phát triển rừng (Luật số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2004)</p>
32	125355	Quản lý chất thải rắn (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản về chất thải rắn; nguồn gốc, thành phần, tính chất của chất thải rắn; thu gom vận chuyển và trung chuyển chất thải rắn; thu hồi tái chế chất thải rắn; xử lý chất thải rắn; những vấn đề liên quan đến chất thải nguy hại; hiện trạng quản lý chất thải rắn ở Việt Nam; hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý một số loại chất thải rắn phổ biến.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần sinh viên phân biệt được chất thải rắn nguy hại và chất thải rắn thông thường; tổng hợp được hiện trạng phát sinh các loại chất thải rắn phổ biến ở Việt Nam và trên thế giới; phân tích được những tác động của ô nhiễm chất thải rắn đối với môi trường; ứng dụng hiệu quả các phương pháp xử lý chất thải rắn vào thực tế; phân tích được hiện trạng thể chế, chính sách của Việt Nam liên quan đến quản lý chất thải rắn.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Lê Thị Trinh, Vũ Thị Mai, <i>Quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường, 2010</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Văn Phước, <i>Quản lý và xử lý chất thải rắn</i>, Trường Đại học Bách khoa Hồ Chí Minh, 2013.</p> <p>[2]. Trần Thị Mỹ Diệu, <i>Quản lý chất thải rắn đô thị</i>,</p> <p>[3]. Nguyễn Trung Việt, Trần Thị Mỹ Diệu, <i>Quản lý chất thải rắn sinh hoạt</i>.</p>
33	125353	Quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn, làng nghề (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phần:Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: hiện trạng nông thôn Việt Nam, các vấn đề môi trường ở nông thôn, ô nhiễm làng nghề, chất thải rắn sinh hoạt, các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đối với công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề. tác động của ô nhiễm môi trường nông thôn...Phân tích nguyên tắc trong quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề; các vấn đề chủ chốt về môi trường nông thôn và làng nghề ở tầm vĩ</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Báo cáo môi trường quốc gia năm 2014: Môi trường nông thôn, Bộ Tài nguyên và môi trường, Hà Nội</p> <p>[2]. Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2005</p> <p>[3]. Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam 2014</p> <p>[4]. Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 – 2015</p>

			<p>mô và đưa ra các giải pháp trong công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề trong bối cảnh phát triển bền vững hiện nay.</p> <p>-Năng lực đạt được: Hình thành cho người học năng lực tư duy và phán đoán các tình huống trong công tác quản lý môi trường nông thôn và làng nghề. Năng lực quan sát và phân tích các vấn đề môi trường, giải quyết các vấn đề môi trường dựa trên điều kiện thực tiễn địa phương và tuân thủ theo nguyên tắc quản lý và công cụ quản lý.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020</p> <p>[2]. Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015</p> <p>[3]. Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020</p> <p>[4]. Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030</p>
34	125354	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung học phân: Những vấn đề chung về môi trường đô thị và KCN, bao gồm: khái niệm chung về đô thị và KCN, sự phát triển của đô thị và KCN, các vấn đề môi trường của phát triển đô thị và KCN; khu dân cư và KCN thân thiện môi trường; Các mô hình quản lý môi trường đô thị và KCN: mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng; mô hình sản xuất tiêu thụ công nghiệp theo hướng sinh thái; quản lý môi trường đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu; quản lý khí nhà kính trong đô thị; Ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp, nhân sinh thái, quản lý các nguồn phát thải hợp chất hữu cơ bền không chủ định POPs.</p> <p>-Năng lực đạt được: Hình thành cho người học năng lực quản lý, tư duy quan sát và phân tích các tình huống trong quản lý môi trường đô thị và KCN; Năng lực nhận biết ô nhiễm môi trường khi có các dấu hiệu ô nhiễm; Năng lực quan trắc và phân tích các điều kiện môi trường để suy đoán diễn biến tiềm năng của môi trường; Năng lực giải quyết các vấn đề, sự cố môi trường phát sinh trong các trường hợp cụ thể. Ngoài ra, người học còn được trang bị năng lực trọng quản lý môi trường, đánh giá tác động môi trường và ra quyết định đối với các báo cáo hiện trạng môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề xuất các giải pháp xử lý và xử phạt ô nhiễm môi trường ở các đô thị và KCN.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Thiều Thị Thùy. <i>Tập bài giảng Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp (2018)</i>. Tài liệu tham khảo trường Đại học Hồng Đức.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Lê Thanh Hải, <i>Giáo trình Quản lý môi trường đô thị, 2016. NXB ĐH Quốc gia TP. HCM</i></p> <p>[2] Lê Thanh Hải, <i>Giáo trình Quản lý môi trường công nghiệp, 2017. NXB ĐH Quốc gia TP. HCM</i></p>
35	125104	Thanh tra tài nguyên	<p>-Nội dung học phân: Học phân cung cấp kiến thức về những quy định chung của hoạt động thanh tra, nội dung cơ bản của</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>[1]. Luật Thanh tra 2010, 2020</p>

		và môi trường (2 tín chỉ)	<p>thanh tra tài nguyên và môi trường; các vấn đề của hoạt động thanh tra ở một số lĩnh vực như đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, bảo vệ môi trường và một số biểu mẫu sử dụng trong công tác thanh tra tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có thể hiểu, vận dụng được những kiến thức liên quan đến hoạt động thanh tra tài nguyên và môi trường; nhận thức đúng đắn các vấn đề còn tồn tại trong công tác thanh tra tài nguyên môi trường; thực hành và sử dụng đúng các biểu mẫu liên quan.</p>	<p>[2]. Nghị định Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường của Chính phủ, Số: 35/2009/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2009.</p> <p>[3]. Luật Đất đai 2013</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Luật Bảo vệ Môi trường 2014, 2020</p> <p>[2]. Nghị định Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường của Chính phủ, Số: 35/2009/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2009</p>
36	125102	Đánh giá tác động môi trường (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản về đánh giá tác động môi trường, các hình thức đánh giá tác động môi trường; nội dung, trình tự thực hiện, cấu trúc báo cáo bản cam kết BVMT, ĐTM, ĐMC; Các phương pháp sử dụng trong đánh giá tác động môi trường; Đánh giá các tác động môi trường nước, đất, không khí, tài nguyên sinh vật, xã hội và rủi ro.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được các hình thức đánh giá tác động môi trường, các bước thực hiện và cấu trúc của báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược và bản cam kết bảo vệ môi trường; phân biệt được các đối tượng phải lập bản cam kết BVMT, Đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược; ứng dụng hiệu quả các phương pháp sử dụng trong đánh giá tác động môi trường vào việc đánh giá một dự án cụ thể cũng như thực hiện các nghiên cứu khoa học khác; lập kế hoạch, đề cương, viết báo cáo bản cam kết BVMT, ĐTM một dự án cụ thể, đánh giá môi trường chiến lược.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Đặng Văn Minh, <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, NXB Nông nghiệp, 2013.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Đình Mạnh, <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, NXB Nông nghiệp, 2008</p> <p>[2]. Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ, <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, NXB Quốc gia. 2001.</p> <p>[3]. Lê Trình. <i>Đánh giá tác động môi trường – phương pháp và ứng dụng</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2000.</p>
37	125103	Quy hoạch môi trường (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Kiến thức về khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường (QHMT), nội dung QHMT, phương pháp đánh giá trong QHMT, QH phòng ngừa ô nhiễm môi trường, QHMT khu vực,..; phân tích các vấn đề môi trường chủ chốt; các công cụ, các phương pháp đánh giá áp dụng cho QHMT. Từ đó, người học có thái độ đúng đắn trong việc tham gia QHMT ở các phạm vi quy mô khác nhau.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Vũ Quyết Thắng (2007), <i>Quy hoạch môi trường</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. <i>Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam 2014</i></p> <p>[2]. <i>Luật đất đai 2003</i></p> <p>[3]. <i>Luật đất đai 2013</i></p>

			- Năng lực đạt được: Học phân hình thành cho người học năng lực tư duy và phán đoán các tình huống trong công tác QHMT. Năng lực quan sát và phân tích các vấn đề môi trường, giải quyết các vấn đề môi trường dựa trên điều kiện thực tiễn địa phương và tuân thủ theo nguyên tắc QHMT và đảm bảo quy trình QHMT phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương ở từng giai đoạn cụ thể.	
38	125109	Thực tế công tác quản lý tài nguyên và MT (2 tín chỉ)	- Nội dung học phân: Thực địa theo tuyến “Con đường di sản miền Trung”, khảo sát, nghe báo cáo thực tế tại một số điểm, một số khu vực kinh tế nông - lâm, công nghiệp, GTVT, du lịch được lựa chọn tại một số tỉnh miền Trung : Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Đà Nẵng, Quảng Nam, viết báo cáo thực địa - Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, giải thích được các kiến thức địa lí từ thực tiễn, giúp tổ chức tốt các hoạt động dạy học ngoài lớp và tham quan khi dạy học địa lí kinh tế-xã hội .	Tài liệu bắt buộc: [1].Lê Thông -- Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), 2012, <i>Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm</i> , NXB Giáo dục Việt Nam. Tài liệu tham khảo [1]. Lê Thông (Chủ biên), 2005, <i>Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam</i> , NXB ĐHQG Hà Nội, [2]. Lê Bá Thảo, 1998, <i>Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lí</i> , NXB Thế giới. [3]. Nguyễn Việt Thịnh (Chủ biên), 2001, <i>Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam</i> (tập 1), NXB Giáo dục
39	Chọn 1 trong 2 học phần:			
a	125052	Thực tế môi trường thiên nhiên (2 tín chỉ)	- Nội dung học phân: Thực địa về địa chất và bản đồ tại một số địa điểm đã được khảo sát thuộc thành phố Hải Phòng (đảo Cát Hải, Đồ Sơn...), tỉnh Quảng Ninh (Yên Tử, TP Hạ Long, một vài mỏ than...), TP Lạng Sơn và phụ cận, viết báo cáo thực địa - Năng lực đạt được: Sinh viên mô tả được những đặc điểm địa chất - địa hình khu vực Yên Tử, TP Hạ Long, TP Lạng Sơn; giải thích được sự hình thành địa hình đá vôi khu vực đông Bắc, một số dạng địa hình, khoáng sản, tài nguyên được hình thành ở khu vực này, tài nguyên di sản thiên nhiên thế giới-Vịnh Hạ Long., giúp tổ chức tốt các hoạt động dạy học ngoài lớp và tham quan khi dạy học địa lí tự nhiên.	Tài liệu bắt buộc: [1]. Phùng Ngọc Đĩnh, 1996, <i>Thực hành địa chất</i> , NXB ĐHQG Hà Nội. Tài liệu tham khảo: [1] A.M. Berliant (Hoàng Phương Nga, Nhữ Thị Xuân biên dịch), 2004, <i>Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ</i> , NXB ĐHQG Hà Nội. [2] Lê Bá Thảo, 1983, <i>Cơ sở địa lí tự nhiên</i> , NXB ĐHQG Hà Nội.
b	125111	Quản lý tài nguyên khí	- Nội dung học phân: Học phân Quản lý tài nguyên khí hậu khí, tương bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khí quyển của Trái	Tài liệu bắt buộc: [1]. Mai Trọng Thông – Hoàng Xuân Cơ (2001).

		hậu, khí tượng (2 tín chỉ)	<p>đất; nguồn gốc, thành phần và cấu trúc khí quyển; bức xạ Mặt trời; các quá trình biến đổi bức xạ Mặt trời trong khí quyển và trên bề mặt đất; các quá trình khí quyển; khí hậu, thời tiết và dự báo thời tiết; các yếu tố của thời tiết, khí hậu (nhiệt độ, gió và độ ẩm) và sự biến thiên của chúng trong không gian, thời gian; các quy luật phân hóa khí hậu chung trên Trái đất; Biến đổi khí hậu; các đới và các kiểu khí hậu trên Trái đất; dự báo và quản lý tài nguyên khí hậu, khí tượng.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có năng lực phân tích các bản đồ: bức xạ, nhiệt độ không khí, khí áp, gió và phân bố mưa; kỹ năng vẽ biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; phân tích biểu đồ và xác định trạm khí tượng đó thuộc kiểu khí hậu nào; năng lực quan sát khí tượng (mây, gió, nhiệt độ) đưa ra các dự báo về thời tiết; có khả năng đưa ra những giải pháp, đề xuất trong quản lý và khai thác hiệu quả tài nguyên khí hậu, phòng chống các loại thiên tai do thời tiết, khí hậu mang lại.</p>	<p>Giáo trình Tài nguyên khí hậu. NXB ĐHQG Quốc gia Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Trần Công Minh (2009). <i>Khí tượng SYNÔP</i>. NXB ĐHQG Quốc gia Hà Nội.</p> <p>[2]. Trần Tân Tiến (2002). <i>Xử lý số liệu khí tượng và dự báo thời tiết bằng phương pháp thống kê vật lý</i>. NXB ĐHQG Quốc gia Hà Nội.</p> <p>[3]. Hoàng Ngọc Oanh (Chủ biên) và nnk (2004). <i>Địa lý tự nhiên đại cương 2</i>. NXB ĐHQG, Hà Nội.</p>
40-41	Chọn 2 trong 4 học phần:			
a	125116	Quản lý tài nguyên và môi trường biển Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>-Nội dung môn học: Người học có được những kiến thức cơ bản về: Quản lý tài nguyên và môi trường biển; Luật pháp về biển và việc áp dụng luật quốc tế về biển ở Việt Nam: về pháp luật và các văn bản dưới luật về quản lý tài nguyên, môi trường, pháp lý chủ quyền trên biển. Xây dựng mô hình quản lý biển. Hệ thống những kiến thức về những qui luật tự nhiên và tài nguyên môi trường Biển Đông, các giá trị của hệ sinh thái biển. Đánh giá và dự báo tác động của các hoạt động kinh tế-xã hội đối với môi trường và các hệ tự nhiên của biển.</p> <p>-Năng lực đạt được: Người học nhận thức được giá trị, tầm quan trọng của tài nguyên và môi trường biển Việt Nam; đánh giá được tác động của các hoạt động KT-XH đối với tài nguyên và môi trường biển; có khả năng vận dụng các điều luật trong quản lý tài nguyên và môi trường biển Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Lê Đức Tố (chủ biên), Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh. <i>Quản lý biển</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2004.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, <i>Luật biển Việt Nam</i>, 2012</p> <p>[2]. Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, <i>Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo</i>, 2016.</p> <p>[3]. Nguyễn Chu Hồi (chủ biên), <i>Quản lý bền vững biển, đảo Việt Nam</i>, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà nội, 2018.</p>
b	125113	Ô nhiễm	- Nội dung học phần: Khái niệm về ô nhiễm môi trường nước,	Tài liệu bắt buộc:

		<p>môi trường đất, nước và biện pháp xử lý (2 tín chỉ)</p>	<p>đất; các tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước đất; các quá trình vi sinh vật trong đất làm tăng ô độ phi trong đất và làm giảm ô nhiễm; các quá trình tự làm sạch của nước mặt, nước ngầm; Các phương pháp xử lý nước ô nhiễm, đất ô nhiễm; Các văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường đất, bảo vệ môi trường nước.</p> <p>-Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được khái niệm về ô nhiễm môi trường nước, đất; các tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước đất; Lựa chọn được các phương pháp xử lý nếu có vấn đề ô nhiễm nước, đất; Kể tên được các văn bản pháp quy liên quan đến bảo vệ môi trường đất, nước hiện hành; Kể tên được các quy chuẩn Việt Nam liên quan đến chất lượng môi trường đất, môi trường nước hiện hành; xây dựng được kế hoạch, quy trình quản lý và bảo vệ môi trường đất, môi trường nước.</p>	<p>[1]. Lê Văn Khoa (2010), <i>Ô nhiễm môi trường đất và biện pháp xử lý</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Phạm Ngọc Hồ - Đồng Kim Loan – Trịnh Thị Thanh (2009), <i>Cơ sở môi trường nước</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>[2]. Lương Đức Phẩm (2009), <i>Cơ sở khoa học trong công nghệ bảo vệ môi trường tập 1</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p>
c	125114	<p>Ô nhiễm không khí và tiếng ồn (2 tín chỉ)</p>	<p>-Nội dung học phần: Những vấn đề chung về đặc điểm khí quyển, các yếu tố khí tượng. Khái niệm về ô nhiễm môi trường không khí, sự biến đổi của chất ô nhiễm trong khí quyển, phương pháp đánh giá chất lượng không khí, kiểm soát ô nhiễm không khí đối với một số nguồn thải công nghiệp ở Việt Nam</p> <p>-Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được khái niệm về ô nhiễm môi trường không khí; các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí và hậu quả; Đánh giá được chất lượng không khí, Lựa chọn được các phương pháp, giải pháp phù hợp để kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Phạm Ngọc Hồ và nnk (2011), <i>Cơ sở môi trường không khí và nước</i>, NXB Khoa học & Kỹ thuật.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Đinh Xuân Thắng (2007). <i>Giáo trình ô nhiễm không khí</i>, NXB QG TP.HCM.</p> <p>[2]. Nguyễn Đình Tuấn (2007), <i>Kiểm soát ô nhiễm không khí</i>, NXB QG TP.HCM.</p>
d	125256	<p>Ứng phó biến đổi khí hậu và tai biến môi trường (3 tín chỉ)</p>	<p>- Nội dung học phần: Khái niệm chung về môi trường, tai biến môi trường và biến đổi khí hậu; nguyên nhân, biểu hiện, đặc điểm và tác động của biến đổi khí hậu, tai biến môi trường: các loại tai biến môi trường; kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng; Ứng phó với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường trên thế giới; Biến đổi khí hậu và tai biến môi trường ở Việt Nam: biểu hiện, kịch bản biến đổi khí hậu, các loại tai biến môi trường thường gặp, tác động của biến đổi khí hậu và tai biến môi</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Đặng Duy Lợi - Đào Ngọc Hùng, <i>Giáo trình Biến đổi khí hậu</i>, 2014. NXB ĐHSP.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Nguyễn Cẩm - Nguyễn Đình Hoà, <i>Tai biến môi trường</i>, 2005. NXB ĐHQG.</p> <p>[2]. Lê Văn Khoa – Trần Trung Dũng – Lưu Đức Hải – Nguyễn Văn Việt. <i>Giáo dục ứng phó với biến</i></p>

			<p>trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường tại Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hình thành cho người học năng lực tư duy và phán đoán các tình huống trong lĩnh vực Tai biến môi trường gắn với Biến đổi khí hậu khi có các dấu hiệu tai biến. Năng lực quan sát và phân tích các điều kiện môi trường để suy đoán diễn biến tiềm năng của môi trường. Năng lực giải quyết các vấn đề, sự cố môi trường phát sinh trong các trường hợp cụ thể. Ngoài ra, người học còn được trang bị năng lực quản lí môi trường và ra quyết định các giải pháp xử lí tai biến môi trường.</p>	<p><i>đổi khí hậu</i>, 2012. NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>[3]. Nguyễn Văn Cư. Bảo vệ môi trường và tài nguyên nước. Tập bài giảng dùng cho Nghiên cứu sinh ngành thủy sản – môi trường Hà Nội 1996.</p>
42	125099	Bản đồ địa chính (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm: những khái niệm cơ bản về bản đồ địa chính, cơ sở toán học thành lập bản đồ địa chính, nội dung bản đồ địa chính, sử dụng bản đồ địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được những kiến thức cơ bản về bản đồ địa chính như cơ sở toán học, các nội dung của bản đồ địa chính, nguyên tắc biểu thị chúng lên bản đồ cũng như cách sử dụng, chỉnh lý bản đồ địa chính; Tính được khoảng cách từ bản đồ ra thực địa, chuyển khoảng cách từ thực địa lên bản đồ. Tính được diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính; chỉnh lý bản đồ địa chính. Trích đo được thửa đất từ bản đồ.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Kim Hiệp (2006). <i>Giáo trình Bản đồ địa chính</i>. NXB Nông nghiệp.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Thanh Trà (1999), <i>Giáo trình Bản đồ địa chính</i>. NXB Nông nghiệp. [2]. Nguyễn Trọng San (2006), <i>Giáo trình Đo đạc Địa chính</i>. NXB Nông nghiệp.</p>
43		Trắc địa (4 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về máy kinh vĩ, máy và mia thủy chuẩn; Các dạng đo cơ bản; Thiết kế đo đạc bình sai đường chuyền kinh vĩ; đo vẽ chi tiết bằng phương pháp toàn đạc.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên biết sử dụng các thiết bị đo đạc như: máy toàn đạc điện tử, máy thủy chuẩn, máy định vị GPS phục vụ công tác đo vẽ; Thành lập bản đồ địa chính, địa hình, trích đo thửa đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Sử dụng được các loại bản đồ chuyên ngành phục vụ công tác quản lý đất đai như: bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Hoàng Xuân Thành (Chủ biên), <i>Trắc địa đại cương</i>, NXB Xây dựng Hà Nội - 2008.</p> <p>Tài liệu tham khảo [1] Nguyễn Trọng San. <i>Trắc địa cơ sở tập 1</i>, 2. Nhà xuất bản Xây dựng, 2002 [2] Phạm Văn Chuyên - <i>Trắc địa</i>. Nhà xuất bản Xây dựng, 2006. [3] Đào Duy Liêm (chủ biên). <i>Trắc địa</i>. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1992.</p>
44		Ứng dụng phần mềm	<p>- Nội dung học phần: Các khái niệm cơ bản về bản đồ số, đặc điểm của bản đồ số, khái quát sự ra đời và phát triển của bản đồ</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Trần Quốc Vinh (2016), <i>Giáo trình Tin học ứng</i></p>

		địa chính trong quản lý và sử dụng đất đai (4 tín chỉ)	số, cơ sở dữ liệu bản đồ số, các chuẩn về bản đồ số; Quy trình thành lập bản đồ số: thu thập và số hoá dữ liệu, xử lý dữ liệu, biểu thị dữ liệu, lưu trữ dữ liệu; Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất bằng phần mềm MicroStation; Xây dựng bản đồ địa chính bằng phần mềm Famis. - Năng lực đạt được: Hiểu được những kiến thức cơ bản về bản đồ số, cơ sở dữ liệu bản đồ số; các chức năng cơ bản của phần mềm MicroStation, Famis; Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành MicroStation, Famis biên tập và xây dựng các bản đồ chuyên đề phục công tác quản lý nhà nước về đất đai: bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất.	dụng vẽ bản đồ. NXB Đại học Nông nghiệp Tài liệu tham khảo: [1]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2007), <i>Hướng dẫn sử dụng các phần mềm Famis - MicroStation - IrasB - Geovec - MRFClean - MRFFlag</i> . [2]. Trung tâm thông tin khoa học và đào tạo, Viện Nghiên cứu địa chính (2010), <i>Hướng dẫn căn bản về kỹ thuật số hóa và biên tập bản đồ với bộ phần mềm Microstation và Mapping office</i> .	
45	125108	Xây dựng các bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường (3 tín chỉ)	- Nội dung học phần: Học phần sẽ cung cấp những kiến thức về khái niệm, đặc điểm bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường; quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai; biên tập, xây dựng được bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường. - Năng lực đạt được: Học phần giúp người học biết tổ chức, lập quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu và biên tập, xây dựng được bản đồ chuyên đề về tài nguyên và môi trường: đất, nước, không khí, sinh vật,... phục vụ cho việc quản lý tài nguyên và môi trường.	Tài liệu bắt buộc: [1]. Lê Huỳnh, Lê Ngọc Nam (2001), Bản đồ chuyên đề, NXB Giáo dục Tài liệu tham khảo: [1]. Phạm Thị Xuân, Nguyễn Xuân Bắc (2011), Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional, NXB ĐHSP TP Hồ Chí Minh [2]. Trung tâm GIS, Giáo trình hệ thống thông tin địa lý, (2004) ĐH Bách khoa TP HCM [3]. Bùi Hữu Mạnh, (2007) Hướng dẫn sử dụng Mapinfo Professional version 7.0, NXB Khoa học và kỹ thuật	
III	Kiến thức bổ trợ				
46-47	Chọn 2 trong 4 học phần:				
a	125045	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) (3 tín chỉ)	- Nội dung học phần: Hệ thống thông tin địa lý - Geographic Information System (GIS) là một trong những thành tựu nổi bật của công nghệ thông tin trong những thập niên cuối thế kỷ XX. Nhờ công nghệ này mà Địa lý học từ một khoa học hàn lâm trở thành một khoa học ứng dụng cần thiết trong nhiều lĩnh vực của sản xuất và đời sống xã hội. Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của GIS, những cách thức tiếp cận và	Tài liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Viết Thịnh: GIS –Map (Tập bài giảng) 1997 – 2000). ĐHSP- Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997. Tài liệu tham khảo: [1]. Phạm Thị Xuân – Nguyễn Xuân Bắc: Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional version 10.5,	

		<p>ứng dụng của GIS vào quá trình sản xuất, quản lý xã hội, điều tra và quản lý tài nguyên, môi trường, nghiên cứu khoa học, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Học phần cũng giới thiệu phần mềm ứng dụng GIS là Mapinfo, với các kỹ thuật ứng dụng gắn với ngành nghề đào tạo.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng các kỹ thuật trong GIS cụ thể là sử dụng phần mềm Mapinfo xây dựng dữ liệu và biên tập, thành lập các loại bản đồ phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu địa lí.</p>	<p>Nhà xuất bản ĐHSP TP Hồ Chí Minh, năm 2021</p> <p>[2]. Phạm Trọng Mạnh, Phạm Vọng Thành. 1999. <i>Cơ sở hệ thống thông tin địa lý</i>. Trường Đại Học Kiến Trúc Hà Nội. Nhà Xuất Bản Xây Dựng. Hà Nội. 169 trang.</p>
b	Công nghệ viễn thám (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và thiết yếu nhất về Viễn thám như: lịch sử phát triển của khoa học Viễn thám trên thế giới; nguyên lý cơ bản của viễn thám; cơ sở vật lý của viễn thám cũng như cách thu nhận và phân tích tư liệu viễn thám. Các khái niệm chung về ảnh hàng không; nguyên lý chụp ảnh hàng không; các phương pháp giải đoán ảnh viễn thám. Từ đó có những hành động cụ thể nhằm tăng cường, nâng cao khả năng ứng dụng các tư liệu viễn thám vào giải quyết các công việc cụ thể của ngành Địa chính.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học phần giúp người học vận dụng kiến thức viễn thám kết hợp với phần mềm giải đoán ảnh viễn thám ENVI 4.7. Trên cơ sở đó phân tích, giải đoán được các đối tượng Địa lý trên ảnh viễn thám, từ đó thu thập thông tin về các đối tượng một cách trung thực, chính xác. Sau khi có được nguồn dữ liệu tiến hành xây dựng hệ thống các bản đồ phục vụ cho các mục đích khác nhau.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Ngọc Thạch (2005), <i>Cơ sở viễn thám</i>, Nxb Đại học Khoa học tự nhiên (Đại học Quốc gia).</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Ngọc Thạch (1997), <i>Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên môi trường</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật;</p> <p>[2]. Nguyễn Quang Tuấn (2003), <i>Hướng dẫn sử dụng phần mềm xử lý tư liệu viễn thám</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật.</p>
c	125003 Bản đồ học đại cương (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp hệ thống các khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý. Trong đó, đi sâu nghiên cứu và hiểu một cách đầy đủ về cơ sở toán học, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, phân loại bản đồ và quy trình thành lập bản đồ.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận biết các phép chiếu hình bản đồ; biết rõ quy luật chia mảnh và đánh số hiệu đối với bản đồ tỷ lệ lớn; các phương pháp biểu hiện bản đồ; phương pháp so sánh, phân tích và tổng hợp... bản đồ địa lý; biết sử dụng ngôn</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Lâm Quang Dốc (1995), <i>Bản đồ học</i>, NXB ĐHSP Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. K.A. Xalisp. <i>Bản đồ học</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005</p> <p>[2]. Phạm Ngọc Đình (Chủ biên), Hoàng Xuân Linh, Đỗ Thị Minh Tánh, <i>Thực hành bản đồ và đo</i></p>

			ngữ bản đồ trong thành lập và sử dụng bản đồ. Mỗi nhóm sinh viên thực hiện biên tập một bản đồ địa lý và đọc bản đồ thành thạo.	vẽ địa phương. NXB Trường ĐHSP Hà Nội 1, 1995. [3]. Át lát địa lý Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục năm 2018.
d	125029	Kinh tế môi trường (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Khái niệm về kinh tế môi trường trong đó đề cập đến việc quản lý môi trường thông qua các biện pháp kinh tế, các biện pháp giảm nhẹ ô nhiễm, các giải pháp lựa chọn để tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp và giảm nhẹ gánh nặng khắc phục môi trường cho nhà nước; Cơ sở tính thuế, khả năng áp dụng việc tính thuế và việc tính phí môi trường đối với một số chất gây ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước ở Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu rõ các biện pháp kinh tế dùng trong quản lý môi trường, Đưa ra được những giải pháp hiệu quả để tối thiểu chi phí trong khắc phục ô nhiễm của toàn xã trong một công ty gây ô nhiễm cụ thể</p> <p>Hiểu rõ các công cụ dùng trong quản lý môi trường như kinh tế, chính sách và chiến lược... linh hoạt sử dụng các công cụ đó khi quản lý môi trường trong phạm vi cụ thể; Nhận diện được những vấn đề môi trường địa phương gặp phải, hiểu rõ các quy định về pháp luật trong quản lý môi trường.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Hoàng Xuân Cơ, Kinh tế môi trường, NXB Giáo Dục Việt Nam, 2009.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Vũ Quyết Thắng, Quy hoạch môi trường, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. [2]. Nguyễn Đình Hoà, môi trường và phát triển bền vững, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007. [3]. Lưu Đức Hải, Cẩm nang quản lý môi trường, NXB Giáo dục, 2009.</p>
IV Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp/HP thay thế KLTN				
48	123190	Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Tìm hiểu thực tế cơ sở thực tập, gồm có: Cơ cấu tổ chức, tình hình hoạt động và phát triển của cơ sở, đặc điểm quản lý tài nguyên và môi trường; thực hành các kỹ năng nghề nghiệp của người cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã được học trong chương trình đào tạo vào thực tiễn nghề nghiệp; biết thực hành các kỹ năng nghề nghiệp của người cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường.</p>	
49	153130	Khóa luận tốt nghiệp	-Nội dung học phần: Vận dụng kiến thức quản lý tài nguyên và môi trường để thực hiện nghiên cứu thành công một vấn đề	

		(6 tín chỉ)	thuộc lĩnh vực nghề nghiệp; Lựa chọn vấn đề nghiên cứu, lập đề cương cho vấn đề nghiên cứu, xây dựng kế hoạch triển khai vấn đề nghiên cứu, sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp... - Năng lực đạt được: Sinh viên biết lựa chọn đề tài phù hợp với ngành đào tạo; Biết cách thu thập, phân tích tài liệu, xây dựng đề cương cho một vấn đề nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp, khoa học; Biết trình bày báo cáo kết quả trước hội đồng,...		
<i>Học phân thay thế KLTN. Chọn 2 trong 3 học phần:</i>					
a	125118	Hạch toán môi trường (3 tín chỉ)	- Nội dung học phần: Môn học này nghiên cứu các khung khổ tính toán định lượng các chi phí liên quan đến môi trường và các hoạt động sinh thái của các hoạt động kinh tế; Ứng dụng các phương pháp đánh giá giá trị nhằm tính đúng, tính đủ các chi phí liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường vào giá thành sản phẩm ở cấp độ doanh nghiệp; thay đổi sự thể hiện của hệ thống tài khoản quốc gia theo cách bổ sung thêm vai trò của môi trường vào kết quả hoạt động chung của nền kinh - Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được các chi phí liên quan đến môi trường, tính toán được đúng và đầy đủ được các chi phí liên quan đến môi trường.	Tài liệu bắt buộc: [1]. Võ Đình Long, <i>Kiểm toán môi trường</i> , NXB Đại học Công nghiệp Hồ Chí Minh, 2013. Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Đình Mạnh, <i>Đánh giá tác động môi trường</i> , NXB Nông nghiệp, 2008 [2]. Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ, <i>Đánh giá tác động môi trường</i> , NXB Quốc gia, 2001. [3]. Lê Trình. <i>Đánh giá tác động môi trường – phương pháp và ứng dụng</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật, 2000.	
b	125140	Quản lý môi trường địa phương (3 tín chỉ)	- Nội dung học phần: Khái niệm về quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường, phát triển bền vững...; Các tiêu chuẩn môi trường và các quy định trong bảo vệ môi trường; Các công cụ kỹ thuật. kinh tế trong quản lý môi trường: Đánh giá tác động môi trường. quy hoạch môi trường, quỹ môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường, phí môi trường, thuế môi trường...; Hiện trạng các thành phần môi trường của tỉnh Thanh Hoá như hiện trạng môi trường nước, hiện trạng môi trường đất, hiện trạng môi trường không khí, hiện trạng môi trường chất thải rắn... và các giải pháp bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới. - Năng lực đạt được: Hiểu rõ các công cụ dùng trong quản lý môi trường như kinh tế, chính sách và chiến lược... linh hoạt sử	Tài liệu bắt buộc: [1]. Lưu Đức Hải, <i>Cẩm nang quản lý môi trường</i> , NXB Giáo dục, 2009 Tài liệu tham khảo [1]. Vũ Quyết Thắng, <i>Quy hoạch môi trường</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. [2]. Nguyễn Đình Hoè, <i>môi trường và phát triển bền vững</i> , NXB Giáo dục Việt Nam, 2007. [3]. Hoàng Xuân Cơ, <i>Kinh tế môi trường</i> , NXB Giáo Dục Việt Nam, 2009.	

			dụng các công cụ đó khi quản lý môi trường trong phạm vi cụ thể; Nhận diện được những vấn đề môi trường địa phương gặp phải, hiểu rõ các quy định về pháp luật trong quản lý môi trường.		
c	262116	Đăng ký thống kê đất đai (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản về công tác đăng ký đất đai. Đặc điểm chung về đăng ký đất đai. Công tác đăng ký đất đai ban đầu, đăng ký biến động đất đai; nguyên lý, điều tra, tổng hợp thống kê đất đai, phương pháp, chỉ tiêu, quy định về thống kê đất đai. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất; mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp sử dụng và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được kiến thức cơ bản về công tác đăng ký đất đai; Đánh giá được công tác đăng ký thống kê một địa phương; Thống kê, kiểm kê được diện tích đất đai, đăng ký ban đầu, đăng ký biến động đất đai cấp xã, huyện. Thực hiện được các thủ tục đăng ký đất đai ban đầu và đăng ký biến động đất đai.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Thị Thu Hương (2017). <i>Đăng ký thống kê đất đai</i>. NXB Nông nghiệp Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo [1]. Nguyễn Thị Hải Yên (2008). <i>Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai</i>. NXB Nông nghiệp Hà Nội. [2]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2013). <i>Tài liệu hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật đất đai</i>. Nhà xuất bản Bản đồ.</p>	

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1 (15 TC)	Học kỳ 2 (17 TC)	Học kỳ 1 (15 TC)	Học kỳ 2 (16 TC)
<p>1- Triết học Mác-Lênin (3TC)</p> <p>2- Tâm lý học đại cương (2TC)</p> <p>3- Môi trường và con người (2TC)</p> <p>4- Tiếng Anh 1 (4TC)</p> <p>5- Tin học (2TC)</p> <p>6- Địa lý tự nhiên đại cương (2TC)</p>	<p>1- Kinh tế chính trị MLN (2TC)</p> <p>2 - Cơ sở văn hóa VN (2TC)</p> <p>3- Các vấn đề XH đương đại (2TC)</p> <p>4- Tiếng Việt thực hành (2TC)</p> <p>5- Hóa học đại cương (2TC)</p> <p>6- Sinh thái học (2TC)</p> <p>7- Tiếng Anh 2 (3TC)</p> <p>8- Xã hội học đại cương (2TC)</p>	<p>1- Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)</p> <p>2- Pháp luật đại cương (2TC)</p> <p>3- Phương pháp NCKH (2TC)</p> <p>4- Tiếng Anh 3 (3TC)</p> <p>5- Khoa học quản lý (2TC)</p> <p>6- Địa lí VN (2TC)</p> <p>7- Địa lí KT-XH đại cương (2TC)</p>	<p>1- Lịch sử ĐCSVN (2TC)</p> <p>2- Tư tưởng HCM (2TC)</p> <p>3- Địa chất môi trường (2TC)</p> <p>4- Xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê địa lý-môi trường (2TC)</p> <p>5- Thực tế MTTN (2TC)</p> <p>6- Ô nhiễm MT đất, nước và biện pháp xử lí (3TC)</p> <p>7- Ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn (3TC)</p>
Năm thứ ba			
Học kỳ 1 (17 TC)	Học kỳ 2 (15 TC)	Học kỳ 1 (16 TC)	Học kỳ 2 (13 TC)
<p>1- Tín ngưỡng và các lễ hội truyền thống ở VN (2TC)</p> <p>2- Kinh tế và PT (2TC)</p> <p>3- Quản lý TN khoáng sản (2TC)</p> <p>4- Quản lý tài nguyên nước (2TC)</p> <p>5- Quản lý nhà nước và đất đai (4TC)</p> <p>6- Quản lý tai nguyên rừng và BV đa dạng sinh học (3TC)</p> <p>7- Xây dựng bản đồ chuyên đề trong QL TN&MT (2TC)</p>	<p>1- Quản lý chất thải rắn (2TC)</p> <p>2- Quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề (3TC)</p> <p>3- Quản lý môi trường đô thị và khu CN (3TC)</p> <p>4- Bản đồ địa chính (3TC)</p> <p>5- Trắc địa (4TC)</p>	<p>1- Thanh tra TNMT (2TC)</p> <p>2- Đánh giá tác động môi trường (2TC)</p> <p>3- Thực tế công tác QL TN&MT (2TC)</p> <p>4- Ứng dụng phần mềm địa chính trong quản lý và sử dụng đất đai (4TC)</p> <p>5- Hệ thống thông tin địa lí (3TC)</p> <p>6- Kinh tế môi trường (3TC)</p>	<p>1- Quy hoạch môi trường (2TC)</p> <p>2- Thực tập TN (5TC)</p> <p>3- KL TN/ HP thay thế KL TN (6 TC)</p> <p>- Quản lý môi trường địa phương (3TC)</p> <p>- Dường kỹ thuật kê đất đai (3TC)</p>
Năm thứ tư			
<p>Học kỳ 1 (16 TC)</p> <p>Học kỳ 2 (13 TC)</p>			

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
Triết học Mác Lên nin	2									2	2
Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	2									2	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									2	2
Lịch sử ĐCS Việt Nam	2									2	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3									3	3
Pháp luật đại cương	2									3	3
Cơ sở văn hóa Việt Nam				2						2	2
Các vấn đề XH đương đại				2						2	2
Tiếng Việt thực hành				2						2	2
Tâm lý học đại cương				2						2	2
PP nghiên cứu khoa học				2						2	2
Môi trường và con người				2						2	2
Tin học			2							2	2
Toán cao cấp				2						2	2
Hóa học đại cương				2						2	2
Sinh thái học				2						2	2
Tiếng Anh 1		2								2	2
Tiếng Anh 2		2								2	2
Tiếng Anh 3		2								2	2
Tin ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở VN				2						2	2
Xã hội học đại cương				2						2	2
Kinh tế và phát triển				3						2	2
Khoa học quản lý				2						2	2
Địa lí tự nhiên đại cương				2						2	2
Địa lý Việt Nam				2						2	1

Địa chất môi trường				2						2	2
Xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê địa lý-môi trường									2	2	2
Địa lý KT-XH đại cương				2						2	2
Địa lý nhân văn				3						2	2
Quản lý TN khoáng sản					2					2	2
Quản lý tài nguyên nước					2					2	2
QL nhà nước về đất đai					2					2	2
Quản lý tài nguyên rừng và bảo vệ ĐDSH					2					2	2
Quản lý chất thải rắn									2	1	1
Quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn, làng nghề						2				2	1
Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp						2				2	2
Thanh tra tài nguyên và môi trường							2			2	2
Đánh giá tác động MT						2				1	1
Quy hoạch môi trường						2				2	2
Thực tế công tác quản lý tài nguyên và MT						2				3	3
Quản lý tài nguyên khí hậu, khí tượng					2					2	2
Thực tế MT thiên nhiên					2					3	3
Quản lý tài nguyên và môi trường biển Việt Nam					2					2	2
Ô nhiễm môi trường đất, nước và biện pháp xử lý						2				2	2
Ô nhiễm không khí và tiếng ồn						2				1	1
Ứng phó biến đổi khí hậu và tai biến môi trường						2				2	2

Bản đồ địa chính									2	2	2
Trắc địa								2		2	2
Ứng dụng phần mềm địa chính trong quản lý và sử dụng đất đai									2	2	2
Xây dựng các bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường									2	2	2
Hệ thống thông tin địa lí (GIS)									2	2	2
Công nghệ viễn thám									2	2	2
Bản đồ học đại cương									2	2	2
Kinh tế môi trường						2				1	1
Thực tập tốt nghiệp					2	2	2	2	2	3	3
Hạch toán môi trường										2	2
Quản lý môi trường địa phương										1	1
Đăng ký thống kê đất đai										2	2
					1			2		2	2

(Ghi chú: Các mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao)

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 9 năm 2021

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

(ký, ghi rõ họ tên)

PGS,TS. Mai Văn Tùng